TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày: 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đình Thông

.*Các Hội thẩm nhân dân:* . Ông Lê Dũng Tấn và ông Lê Minh Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2018/TLST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- HS ngày 08/01/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H ; Tên gọi khác không -Sinh ngày 22 tháng 06 năm 1976 tại: xã Chân Lý, Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, nguyên quán, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Thuận Tôn, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Giáo Viên ;Trình độ văn hóa: lớp 12/12, Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn K- sinh năm 1952; con bà: Nguyễn Thị M; Sinh năm: 1955 Có chồng: Trần Đăng H; Sinh năm: 1976, có 01 con sinh năm 2003, tiền án, tiền sự không. Bị cáo có mặt.

Người làm chứng

1.Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á- Chi nhánh Thanh Hóa (Gọi tắt Sea bank)

Đại diện ông: Lê Xuân H – Chức vụ phó giám đốc phụ trách

Địa chỉ: Số nhà 19 Phan Chu Chinh, phường Điện Biên, Tp Thanh Hóa.

2.Chị: La Thị S – sinh ngày 02/01/1985

Trú tại: Thôn 2, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.Chị: Nguyễn Thị T – Sinh năm 1982

Trú tại: Thôn Bằng Phú, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

4.Anh: Lê Văn Q– sinh năm 1982

Trú tại: Thôn 15, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

5. Chị: Phan Thị T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Thành Đạt, xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau : Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết với chị La Thị Ssinh năm 1981, nghề nghiệp làm ruộng ở xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn; Nguyễn Thị T sinh năm 1982, nghề nghiệp làm ruộng ở xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành; Lê Văn Q sinh năm 1986 nghề nghiệp lao động tự do ở xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn và Phan Thị T sinh năm 1988, nghề nghiệp làm ruộng ở xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa. Do chị S, anh Q, chị T và chị T có nhu cầu vay vốn ngân hàng, do không phải là đối tượng được vay tín chấp nên khó khăn trong việc làm hồ sơ thủ tục. Biết được nhu cầu đó Nguyễn Thị H đã thỏa thuận với chị La Thị S, Nguyễn Thị T, Phan Thị T và anh Lê Văn Q sẽ giúp những người này làm hồ sơ vay tiền của ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á (SeaBank) chi nhánh Thanh Hóa theo dạng tín chấp, trả góp hàng tháng với điều kiện nếu lấy được tiền thì mỗi người phải cho Nguyễn Thị H vay lại một phần trong số tiền vay được và được sự chấp thuận của 4 người trên. Nguyễn Thị H yêu cầu cung cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, chứng minh thư nhân dân (bản photo công chứng), sau đó H đã điện thoại và cung cấp qua Zalo hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tuyển dụng, phân công công tác của mình cho một người tên M làm mẫu và thuê Minh đánh máy thay tên bốn người S, Q, T, T kể trên gồm các thủ tục gồm: Quyết định phân công công tác, Quyết định nâng lương, Hợp đồng làm việc, Quyết định tuyển dụng và lập bảng thanh toán tiền lương theo mẫu H gửi, M gửi xe bus số 20 lên Nguyễn Thị H đón tại điểm dừng xe bus tại bưu điện xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa và thanh toán luôn số tiền công cho Minh là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) đưa cho phụ xe bus cầm về. Tuy nhiên Nguyễn Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể hay bất cứ thông tin cá nhân gì về Minh mà chỉ khai Minh ở thành phố Thanh Hóa và Hoa quen qua giới thiệu của một người tên là Thủy ở Triệu Sơn cùng làm bảo hiểm nhưng cũng không cung cấp được thông tin của chị Thủy.

Đối với giấy ủy quyền, giấy xác nhận đơn vị công tác Hoa khai báo là lấy mẫu từ một trong 4 người làm thủ tục vay rồi phô tô, H xin xác nhận của ông Phùng Minh V, khi đó là Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn trường THCS Thiệu D ký và đóng dấu xác nhận của công đoàn nhà trường. Thủ tục hợp đồng lao động, Quyết định phân công công tác, Quyết định tuyển dụng, Quyết định nâng lương mà Nguyễn Thị H thuê Minh làm cho T, Q, T, S. Lợi dụng thời điểm giáo viên trường THCS Thiệu Duy đang đi chứng thực các hồ sơ tài liệu để bổ sung vào hồ sơ cá nhân giáo viên nên H đã trực tiếp đến chứng thực tại tư pháp xã Thiệu Duy hai lần và một lần nhờ một giáo viên (H không nhớ tên) cùng làm việc tại trường THCS Thiệu Duy đi chứng thực hộ. Chị Phùng Thị T, cán bộ tư pháp xã Thiệu Duy là người làm thủ tục công chứng và ông Lê Huy L, Nguyễn Duy C khi đó là Phó chủ tịch UBND xã Thiệu Duy là người ký chứng thực. Quá trình chứng thực, những cán bộ được giao nhiệm vụ chứng thực ở xã Thiệu Duy

đã không tuân thủ đúng quy trình kiểm tra, đối chiếu bản gốc của tài liệu chứng thực nên đã ký, xác nhận chứng thực các tài liệu ba lần:

- Ngày 14/9/2015 Tư pháp xã Thiệu Duy đã chứng thực Quyết định nâng lương cán bộ, viên chức và Công văn thỏa thuận hợp đồng viên chức ngạch giáo viên THCS năm 2003 đối với Lê Văn Q do ông Lê H Lu ký

- Ngày 02/11/2015 Tư pháp xã Thiệu Duy đã chứng thực Hợp đồng làm việc mang tên La Thị S Hợp đồng làm việc mang tên Phan Thị T và 02 Quyết định v/v nâng lương cán bộ, viên chức do ông Nguyễn Duy C ký.

- Ngày 23/12/2015 Tư pháp xã Thiệu Duy đã chứng thực Quyết định v/v nâng lương cán bộ, viên chức và Hợp đồng làm việc mang tên Nguyễn Thị Tdo ông Lê Huy L ký chứng thực.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân Huyện Thiệu Hóa theo công văn trả lời số 50/UBND-GD ngày 09/01/2018 Ủy ban nhân dân huyện Thiệu Hóa không ký ban hành văn bản gồm: Hợp đồng làm việc, Quyết định nâng lương cán bộ viên chức cho La Thị S, Nguyễn Thị T Lê Văn Q và Phan Thị T (BL268).

Quá trình chứng thực, Chị Thủy không biết đó là tài liệu giả. Sau khi hoàn tất các thủ tục hồ sơ, Nguyễn Thị H đưa hồ sơ cho các cá nhân để tự liên hệ với cán bộ tín dụng ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa để làm thủ tục vay vốn, Hoa nói với 4 người trên là nếu cán bộ ngân hàng gọi điện xác minh thì nhận mình là giáo viên. Cán bộ tiếp nhận và thẩm định hồ sơ khi đó là anh Nguyễn Đăng Linh (cán bộ tín dụng ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa), sau khi xem xét, thẩm định thấy hồ sơ đã hoàn thiện, đúng thủ tục nên Linh đã trình lãnh đạo duyệt và cấp vốn vay, bản thân Linh không biết việc H làm giả tài liệu trong hồ sơ đề nghị vay vốn.

Tại hợp đồng số 452.87.2015/CN-TH ngày 14/11/2015 ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa ký cho La Thị S vay số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), hình thức vay tín chấp. Sau khi vay tiền thành công La Thị S đã cho Nguyễn Thị H vay lại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), tháng 02/2016 H đã trả số tiền trên cho Sáu. Theo báo cáo của ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa, số tiền La Thị S còn nợ lại ngân hàng tính đến ngày 13/11/2018 là 12.169.498đ (Mười hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng) trong đó tiền gốc là 11.865.000đ (mười một triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 304.498đ (Ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng)

Tại hợp đồng số TT.16.01.03/CN ngày 11/01/2016 ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa ký cho Nguyễn Thị T vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền này T cho H vay lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và Lê Văn Việt sinh năm 1986 ở Kim Tân, Thạch Thành vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Theo báo cáo của ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa, số tiền Nguyễn Thị T còn nợ lại ngân hàng tính đến ngày 13/11/2018 là 108.663.874đ (Một trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó tiền gốc là 81.419.413đ (Tám mươi mốt triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm mười ba đồng), tiền lãi là 27.494.376đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng)

Tại hợp đồng số 452.62.2015/CN-TH ngày 24/9/2015 ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa ký cho Lê Văn Q vay số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), hình thức vay tín chấp. Sau đó Q cho H vay lại 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), theo thỏa thuận giữa Nguyễn Thị H và Lê Văn Q thì hàng tháng mỗi người phải nộp một nửa số tiền theo quy định đóng tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Theo báo cáo của ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa, số tiền Lê Văn Q còn nợ lại ngân hàng tính đến ngày 13/11/2018 là 34.734.515đ (Ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm mười lăm đồng). Trong đó tiền gốc là 20.222.225đ (Hai mươi triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi là 14.512.290đ (Mười bốn triệu năm trăm mười hai nghìn hai trăm chín mươi đồng)

Tại hợp đồng số 452.90.2015/CN-TH ngày 20/11/2015 ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa ký cho Phan Thị T vay số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), hình thức vay tín chấp. Sau đó T cho H vay lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau khi ngân hàng yêu cầu tất toán khoản vay khi phát hiện Phan Thị T không phải giáo viên trường THCS Thiệu Duy, không thuộc diện được vay tín chấp theo hợp đồng của Trường THCS Thiệu Duy ký với ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa thì Nguyễn Thị H đã trả lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho T và T đã tất toán toàn bộ khoản tiền vay cho ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa.

Theo báo cáo của Ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa, tổng số tiền ngân hàng chưa thu hồi được và đưa vào diện nợ xấu do hành vi gian dối làm giả hồ sơ, tài liệu của Nguyễn Thị H gây ra tính đến ngày 13/11/2018 là 155.537.887đ (Một trăm năm mươi lăm triệu năm trăm ba bảy nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó tiền gốc là 113.506.638đ (một trăm mười ba triệu năm trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng), tiền lãi là 42.031.249đ (Bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng), cụ thể Phan Thị T đã tất toán toàn bộ số nợ. Lê Văn Quang số tiền gốc còn nợ là 20.222.225đ, lãi 14.512.290đ, tổng nợ 34.734.515đ; Nguyễn Thị T nợ gốc 81.419.413đ, tiền lãi 27.494.376, tổng nợ 108.663.874đ; La Thị S số tiền gốc còn nợ là 11.865.000đ, tiền lãi 304.498đ,tổng nợ 12.169.498đ.

Theo báo cáo của chị La Thị S, Nguyễn Thị T, Phan Thị T và anh Lê Văn Q khẳng định hồ sơ là do H làm, chỉ cung cấp sổ hộ khẩu, chứng minh thư và giấy kết hôn bản công chứng và dặn nếu có cán bộ ngân hàng xác minh thì nhận là giáo viên. Khi gặp với cán bộ ngân hàng là anh L những người trên có đưa cho anh L một khoản tiền nhưng L không thừa nhận và không có chứng cứ để chứng minh. Sau khi vay được tiền từ ngân hàng Chị S, chị T, Chị T và anh Q đã cho H vay lại. Nguyễn Thị Hcũng đã thừa nhận Q vay 120.000.000đ, cho H vay lại 50.000.000đ, H còn nợ 20.000.000đ; T vay được 120.000đ, cho H vay lại 30.000.000 đã trả hết nợ; S vay lại 120.000đ, cho H vay lại 40.000.000đ, đã trả lại cho S; T vay được 100.000.000đ, cho H vay lại 50.000.000đ, còn nợ 20.000.000đ .

Ông Phùng Minh V khai nhận ông biết giấy ủy quyền chưa viết tên, giấy xác nhận công tác và bảng thanh toán tiền lương của S, T, T và Qkhông phải là giáo viên của trường nhưng ông vẫn xác nhận và đóng dấu công đoàn nhà

trường, do nể muốn giúp đỡ H vay chỗ lãi thấp trả chỗ lãi cao, ông không có lợi ích gì từ việc ký xác nhận các loại giấy tờ trên và dấu công đoàn xác nhận theo chủ quan của ông Vân là không dùng để vay vốn ngân hàng được. Ông Vân cũng không được Hiệu trưởng ủy quyền để ký xác nhận cho giáo viên vay vốn ngân hàng .

Về thủ tục công chứng chị Phùng Thị T khai nhận do tin tưởng các giáo viên nên khi làm thủ tục chứng thực chị đã không kiểm tra bản gốc nên đã trình ông C và ông L ký. Bản thân chị T, ông Lê Huy L và ông Nguyễn Duy C không biết các giấy tờ trên bị làm giả .

Qúa trình điều tra Nguyễn Thị H đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Nguyễn Thị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan CSĐT thu thập được. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nhằm khắc phục một phần hậu quả gây ra cho ngân hàng Seabank chi nhánh Thanh Hóa.

Tại bản cáo trang số 02/CT – VKS – TH ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa đã truy tố Nguyễn Thị H về tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS 1999.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 7 của BLHS năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội điểm b, khoản 2, Điều 267, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 , Điều 60 của BLHS năm 1999. Xử phạt Nguyễn Thị H từ 24 (Hai bốn) tháng đến 30 (Ba mươi)tháng tù cho hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Dân sự: Các hợp đồng vay vốn vô hiệu vì trái pháp luật, vì vậy dành quyền khởi kiện dân sự cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á.

Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á chi nhánh Thanh Hóa trình bày Ngân hàng có ký thỏa thuận với trường trung học cơ sở xã Thiệu Duy huyện Thiệu Hóa cho giáo viên nhà trường vay vốn ưu đãi, do đó khi thẩm định 04 hồ sơ có dấu của nhà trường và các thủ tục theo quy định. Vì vậy 04 hồ sơ đủ điều kiện được vay vốn, khi anh Q, chị T, chị T và chị S không trả tiền gốc và lãi đúng kỳ hạn, Ngân hàng đi xác minh mới biết 04 hồ sơ đứng tên anh Lê Văn Q, chị La Thị , chị Nguyễn Thị T và chị Phan Thị T không phải là giáo viên nhà trường.

Về bồi thường: Ngân hàng sẽ khởi kiện theo thủ tục dân sự yêu cầu chị S, anh Q, chị T phải Thanh toán cho Ngân hàng.

Bị cáo nhận tội, rất ân hận với hành vi phạm tội, xin hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố :

Điều tra viên cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận. Nuyễn Thị H đã làm giả bốn hợp đồng cho bốn người không phải là Giáo viên trường trung học cơ sở xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa để vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đong Nam Á (SeaBank) chi nhánh Thanh Hóa cụ thể như sau: Hợp đồng số 452.87.2015/CN – TH ngày 14/11/2015 đứng tên La Thị S số tiền vay 120.000.000đ, hợp đồng số TT16.01.03/CN ngày 11/01/2016 đứng tên Nguyễn Thị T số tiền vay 100.000.000đ, hợp đồng số 452.90.2015/CN ngày 20/11/2015 đứng tên Phan Thị T

số tiền 120.000.000đồng. Hợp đồng số 452.62.2015/CN-TH ngày 24/9/2015 đứng tên Lê Văn Q. Hành vi của Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức".Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H sảy ra trước ngày 01/01/2018, căn cứ khoản 2 Điều 7 của BLHS năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội , áp dụng có lợi cho bị cáo, Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Thị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

{3}Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. vì vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

{4}*xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo*: Nhân thân, tiền án, tiền sự không, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện trả số tiền được vay lại và động viên những người được vay trả cho Ngân hàng, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Vì vậy đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

{5}*Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập*: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó miễm hình phạt bổ sung cho bị cáo.

{6*} Về dân sự*: Xét đề nghị của đại diện Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đông Nam Á (Sea Bank) các hợp đồng vay vốn đứng tên La Thị S Lê Văn Q và Nguyễn

Thị T vô hiệu do trái pháp luật, vì vậy dành quyền khởi kiện dân sự cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á.

{7} *Các vấn đề khác*: Đối với chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Duy Cvà ông Lê Huy L là những người được giao thực hiện nhiệm vụ chứng thực hồ sơ, tai liệu nhưng đã bỏ qua việc kiểm tra bản gốc, Nguyễn Thị H không nói, không có sự bàn bạc và không cùng mục đích với Nguyễn Thị H do đó không đồng phạm với Nguyễn Thị H. Việc xác định các giấy tờ không kiểm tra bản gốc là hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm nhưng sự việc chưa gây hậu quả nghiêm trong. Do đó hành vi của chị T, ông C, ông L không cấu thành tội phạm.

Đối với ông Phùng Minh Vkhông biết Hoa làm giả các tài liệu gồm công văn 1333, quyết định số 1333 và hợp đồng làm việc mang đi chứng thực, H cũng không nói với V. Do đó ông V không đồng phạm với Nguyễn Thị H.

Ông Phùng Minh Vký xác nhận, giấy ủy quyền, giấy xác nhận đơn vị công tác và bảng thanh toán tiền lương của La Thị S, Nguyễn Thị T, Lê Văn Q và Phan Thị T là giáo viên trường trung học cơ sở xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, ông V biết S, T, Q và T không phải là giáo viên của trường, nhưng vẫn ký xác nhận là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn, tuy nhiên hậu quả nghiêm trọng chưa sảy ra nên chưa cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi của La Thị S, Nguyễn Thị T Lê Văn C và Phan Thị T, Nguyễn Thị H không nói cho S, T, Q và T biết về việc làm giả hồ sơ, bản thân họ cũng không xem hồ sơ, tuy có hành vi dan dối nhưng không có ý thức chiếm đoạt, đã trả một phần hoặc toàn bộ tiền vay do đó họ không đồng phạm với Nguyễn Thị H.

Đối với Nguyễn Đăng L cán bộ Ngân hàng không kiểm tra, không biết hồ sơ do Nguyễn Thị H làm giả nên không đồng phạm với Hoa. khi nhận hồ sơ không xác minh lại, vì vậy Ngân hàng seaBank giải ngân không đúng đối tượng vay vốn, tuy có sự chậm thanh toán nhưng S, Q, T và T không có mục đích chiếm đoạt, vì vậy hành vi của anh Nguyễn Đăng Linh không cấu thành tội phạm.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

{9} *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Thị H phạm tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng: khoản 2 Điều 7 của BLHS năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Điểm b, khoản 2, Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị H 24(Hai bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa. tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Về dân sự: Dành quyền khởi kiện dân sự cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tiểu mục 1 Mục I Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết. Buộc Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo Điều 2 luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án về khoản tiền án phí, nếu không tự nguyện thi hành án xẽ bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, 333, 336 và 337 của BLTTHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Công an huyện Thiệu Hóa;
- THA Thiệu Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Phòng giám đốc án
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ - TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **La Thị Sinh** **Lê Đình Thông**